

Van giãn nở nhiệt

Dòng M - Thu nhỏ/Nhỏ gọn



1 Năm bảo hành có giới hạn



Robertshaw
RANCO • PARAGON • CASTFUTURA

Dịch vụ Khách hàng
+1 800 304 6563
HVACCustomerService
@robertshaw.com

Dịch vụ kỹ thuật
+1 800 445 8299
TechnicalService
@robertshaw.com

www.robertshaw.com
©2025 Robertshaw
05/25 150-2982

Mô tả

Van giãn nở nhiệt (TXV) dòng M của Ranco® được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu của thiết bị làm lạnh nhỏ. Van TXV này được dùng để điều chỉnh lượng cung cấp môi chất lạnh trong bộ phận bay hơi bằng cách cảm biến mức độ quá nhiệt tại cửa ra của bộ phận bay hơi thông qua bóng cảm biến nhiệt và sự cân bằng bên ngoài (bên trong).

Tính năng và lợi ích

- 2 thiết kế tùy chọn: mức độ quá nhiệt có thể điều chỉnh (kiểu thẳng) và không thể điều chỉnh (kiểu góc vuông)
- Cấu trúc nhỏ gọn của thân van
- Đầu nguồn sử dụng kỹ thuật hàn laser liên tục, mang lại độ bền cao cho mối hàn và kéo dài tuổi thọ màng ngăn
- Khả năng chịu áp suất ngược có sẵn, 15% hoặc 30%
- Có chức năng Áp suất hoạt động tối đa (MOP)
- Bộ lọc nhập khẩu tùy chọn
- Chiều dài ống mao dẫn tiêu chuẩn: 30 in. (0,75 m)
- Đạt chứng nhận UL và CE

Ứng dụng

- Làm lạnh thương mại
- Điều hòa không khí
- Hệ thống hai khối chia tách
- Hệ thống bơm nhiệt

Thông số kỹ thuật

Môi chất lạnh có thể dùng	R134A, R404A, R407C, R22, R290, R448A và R449A
Áp suất hoạt động tối đa	493 PSI (3,4 MPa)
Dải nhiệt độ trung bình	-40°F đến 158°F (-40°C đến 70°C)
Dải nhiệt độ môi trường	-22°F đến 131°F (-30°C đến 55°C)
Nhiệt độ bóng cảm biến nhiệt tối đa	212°F (100°C)
Nhiệt độ thân van tối đa	230°F (110°C)
Dải điều chỉnh mức độ quá nhiệt trạng thái tĩnh	0K đến 8K
Cài đặt mức độ quá nhiệt trạng thái tĩnh	4K
Độ ẩm tương đối	95%

Thông tin về linh kiện thay thế

Ranco Số linh kiện	Danfoss (TD1)	Sporlan (EG)	Tam Hoa (RFGB)	Công suất danh nghĩa (tấn)	Kết nối, Hàn ODF (inch)			Chiều dài ống mao dẫn (inch)	Môi chất lạnh	Kết cấu
					Đầu vào	Đầu ra	Bộ cân bằng			
					(inch)	(inch)	(inch)			
RTXVM-0.11A-1	068N5602	EGJ-1/8	RFGB04-0.12	0,11	1/4	3/8	KHÔNG CÓ	29,5	R-134A	Dạng góc (Cấu trúc cân bằng bên trong)
RTXVM-0.25A-1	068N5614	EGJ-1/4		0,25						
RTXVM-0.5A-1	068N5665	EGJ-1/2	RFGB04-0.44	0,5						
RTXVM-0.78A-1	068N5692		RFGB04-0.63	0,78						
RTXVM-0.9A-1				0,9						
RTXVM-1.3A-1	068N5695	EGJ-1	RFGB04-0.1.3	1,3	3/8	1/2	KHÔNG CÓ	29,5	R-407C	
RTXVM-1.9A-1		EGJ-1-1/2		1,9						
RTXVM-2.5A-1				2,5						
RTXVM-3A-1				3						
RTXVM-0.16A-3				0,16	1/4	3/8	KHÔNG CÓ	29,5	R-407C	
RTXVM-0.3A-3	068N5640	EGV-1/5	RFGB02-0.38	0,3						
RTXVM-0.8A-3		EGV-1/2		0,8						
RTXVM-1.1A-3	068N5685	EGV-1	RFGB02-1.1	1,1						
RTXVM-1.25A-3	068N5676			1,25						
RTXVM-1.6A-3		EGV-1-1/2	RFGB02-1.6	1,6	3/8	1/2	KHÔNG CÓ	29,5	R-407C	
RTXVM-2.5A-3		EGV-2-1/2	RFGB02-2.2	2,5						
RTXVM-3.2A-3				3,2						
RTXVM-4.9A-3				4,9						
RTXVM-0.15A-2			RFGB01-0.17	0,15	1/4	3/8	KHÔNG CÓ	29,5	R-22	
RTXVM-0.3A-2		EGV-1/5		0,3						
RTXVM-0.7A-2	068N5657	EGV-1/2	RFGB01-0.70	0,7						
RTXVM-1A-2		EGV-1	RFGB01-1.0	1						
RTXVM-1.15A-2	068N5685			1,15						
RTXVM-1.5A-2		EGV-1-1/2	RFGB01-1.5	1,5	3/8	1/2	KHÔNG CÓ	29,5	R-22	
RTXVM-2.3A-2				2,3						
RTXVM-3A-2		EGV-2-1/2		3						
RTXVM-4.5A-2				4,5	1/4	3/8	KHÔNG CÓ	29,5	R-404A / R-507	
RTXVM-0.11A-5	068N7603	EGS-1/8	RFGB03-0.13	0,11						
RTXVM-0.21A-5	068N5630	EGS-1/4	RFGB03-0.25	0,21						
RTXVM-0.45A-5	068N5620	EGS-1/2		0,45						
RTXVM-0.6A-5	068N5652		RFGB03-0.50	0,6						
RTXVM-0.8A-5			RFGB03-0.70	0,8						
RTXVM-1.2A-5		EGS-1	RFGB03-1.0	1,2						
RTXVM-1.7A-5		EGS-1-1/2	RFGB03-1.4	1,7		3/8	1/2			KHÔNG CÓ
RTXVM-2.2A-5				2,2						
RTXVM-2.6A-5				2,6						

Ranco Số linh kiện	Danfoss (TD1)	Sporlan (EG)	Tam Hoa (RFGB)	Công suất đanh nghĩa (tấn)	Kết nối, Hàn ODF (inch)			Chiều dài ống máo dẫn (inch)	Môi chất lạnh	Kết cấu
					Đầu vào	Đầu ra	Bộ cân bằng			
					(inch)	(inch)	(inch)			
RTXVM-0.11E-1	068N5703	EFJE-1/8	RFGB04(E)-0.12	0,11	1/4	3/8	1/4	29,5	R-134A	Dạng thẳng (Cấu trúc cân bằng bên ngoài)
RTXVM-0.25E-1	068N5710	EFJE-1/4		0,25						
RTXVM-0.5E-1		EFJE-1/2	RFGB04(E)-0.44	0,5						
RTXVM-0.78E-1	068N5699		RFGB04(E)-0.63	0,78						
RTXVM-0.9E-1	068N7661	EFJE-1		0,9						
RTXVM-1.3E-1		EFJE-1-1/2	RFGB04(E)-0.1.3	1,3						
RTXVM-1.9E-1		EFJE-2		1,9	3/8	1/2				
RTXVM-2.5E-1				2,5						
RTXVM-3E-1				3						
RTXVM-0.16E-3				0,16	1/4	3/8	1/4	29,5	R-407C	
RTXVM-0.3E-3	068N7657	EFVE-1/3	RFGB02(E)-0.38	0,3						
RTXVM-0.8E-3		EFVE-1/2		0,8						
RTXVM-1.1E-3		EFVE-1	RFGB02(E)-1.1	1,1						
RTXVM-1.25E-3				1,25						
RTXVM-1.6E-3		EFVE-1-1/2	RFGB02(E)-1.6	1,6						
RTXVM-2.5E-3			RFGB02(E)-2.2	2,5	3/8	1/2				
RTXVM-3.2E-3				3,2						
RTXVM-4.9E-3				4,9						
RTXVM-0.15E-2				0,15	1/4	3/8	1/4	29,5	R-22	
RTXVM-0.3E-2			RFGB01(E)-0.17	0,3						
RTXVM-0.7E-2		EFVE-1/2	RFGB01(E)-0.70	0,7						
RTXVM-1E-2		EFVE-1	RFGB01(E)-1.0	1						
RTXVM-1.15E-2				1,15						
RTXVM-1.5E-2		EFVE-1-1/2	RFGB01(E)-1.5	1,5						
RTXVM-2.3E-2		EFVE-2		2,3	3/8	1/2				
RTXVM-3E-2		EFVE-3		3						
RTXVM-4.5E-2				4,5						
RTXVM-0.11E-5		EFSE-1/8	RFGB03(E)-0.13	0,11	1/4	3/8	1/4	29,5	R-404A / R-507	
RTXVM-0.21E-5	068N7668	EFSE-1/4	RFGB03(E)-0.25	0,21						
RTXVM-0.45E-5	068N7669			0,45						
RTXVM-0.6E-5	068N7633	EFSE-1/2	RFGB03(E)-0.50	0,6						
RTXVM-0.8E-5			RFGB03(E)-0.70	0,8						
RTXVM-1.2E-5		EFSE-1	RFGB03(E)-1.0	1,2						
RTXVM-1.7E-5		EFSE-1-1/2	RFGB03(E)-1.4	1,7	3/8	1/2				
RTXVM-2.2E-5		EFSE-2		2,2						
RTXVM-2.6E-5				2,6						
RTXVM-0.17E-8	068N7643		RFGB06(E)-0.17	0,17	1/4	3/8	1/4	29,5	R-290	
RTXVM-0.32E-8	068N7656		RFGB06(E)-0.35	0,32						
RTXVM-0.74E-8	068N7689		RFGB06(E)-0.70	0,74						
RTXVM-1.1E-8			RFGB06(E)-1.0	1,1						
RTXVM-1.25E-8				1,25						
RTXVM-1.6E-8			RFGB06(E)-1.5	1,6						
RTXVM-2.4E-8				2,4	3/8	1/2				
RTXVM-3.2E-8				3,2						
RTXVM-4.7E-8				4,7						